

Bản án số: 133/2021/HSST

Ngày: 02-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Mai Thị Ngọc Hân
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 122/2021/TLST-HS ngày 01/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST-HS ngày 13/10/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Phan Thành Tín, sinh năm 1997 tại thành phố L - tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Số 506/26, khóm 4, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Thành T và bà Phan Thị Hồng N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay và có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hồ Hoàng Phượng, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng Phượng – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 3C1, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

2. Bà Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 66/1A, khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

3. Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 182/7A, khóm 8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

4. Ông Long Quách Phi L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số 87, khóm 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 580, khóm T, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

6. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 3C1, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt

Người làm chứng:

1. Lê Thị P, sinh năm 1987. Vắng mặt

2. Trần Thị Kim B, sinh năm 1996. Vắng mặt

3. Lê Thị Huyền T, sinh năm 1991. Vắng mặt

4. Cao Thị Cẩm N, sinh năm 1997. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 15/12/2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an thành phố L kiểm tra khách sạn Kim Vân B tại số 3C1, đường N, phường B, thành phố L phát hiện Nguyễn Văn T và Lê Thị P đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 108, Trần Trung T và Lê Thị Huyền T đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 408, Ngô Công T và Cao Thị Cẩm N đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 508 do Nguyễn Phan Thành T môi giới nên đã bắt giữ T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, gồm: 01 bao cao su đã bỏ vỏ nhưng chưa sử dụng, 04 bao cao su hiệu Pretex chưa sử dụng thu tại phòng 108; 01 vỏ bao cao su, 14 bao cao su hiệu Purex chưa sử dụng thu tại phòng 408; 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su không rõ nhãn hiệu tại phòng 508; 40.768.000 đồng (trong ví tiền), 2.733.000 đồng (trong túi sau bên trái); 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ trên người Nguyễn Phan Thành T.

Quá trình điều tra xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Vân B do bà Võ Thị Kim C là người đại diện theo pháp luật, đăng ký kinh doanh dịch vụ khách sạn và phòng hát karaoke từ ngày 15/6/2012 đến nay. C thuê nhiều nhân viên nhưng không ký hợp đồng lao động, gồm: Nguyễn Phan Thành T quản lý

chung 06 phòng hát karaoke; Long Quách Phi L, Trần Văn T dọn phòng khách sạn và phục vụ tại các phòng hát karaoke; Bùi Thị Thanh T, Đỗ Thị Thúy H là tiếp tân, riêng H kiêm nhiệm vụ thu ngân các phòng karaoke; Huỳnh Văn K làm bảo vệ. Trong quá trình làm việc tại khách sạn Kim Vân B, để có thêm thu nhập T đã nhiều lần môi giới cho nhiều tiếp viên nữ bán dâm cho khách đến hát karaoke, lưu trú tại khách sạn Kim Vân B. Giá bán dâm là 700.000 đồng/lần đối với khách hát karaoke, 500.000 đồng/lần đối với khách đến lưu trú, tiền thuê phòng do người mua dâm trả. Mỗi lần bán dâm, gái bán dâm cho T 100.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 15/12/2020, Võ Minh Tuấn V, Nguyễn Văn B, Trần Trung A, Ngô C, H, Th, K, Th và 01 người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) đến khách sạn Kim Vân B, vào phòng 606 để uống bia và hát karaoke. Trước khi vào phòng hát, V bảo Nguyễn Phan Thành T gọi 09 tiếp viên để phục vụ rót bia thì T đến phòng 605 thấy các tiếp viên Lê Thị P, Cao Thị Cẩm N, G không rõ họ địa chỉ đang ngồi đợi nên T bảo P, N, G vào phòng 606 phục vụ. Lúc này V, T, Th có nhu cầu mua dâm G, P, N nên T bảo P gọi T vào phòng 606 để thỏa thuận. Tại đây Tín nói cho V, T, Th biết giá mua dâm là 700.000 đồng một người thì V đồng ý và trả cho T 2.500.000 đồng (trong đó có 2.100.000 đồng là tiền mua dâm 03 tiếp viên, còn 400.000 đồng là tiền V cho riêng T). Lúc này, T đưa cho N chìa khóa phòng 508 do Tín chuẩn bị trước để N đi bán dâm trước nhưng khoảng 05 phút sau vẫn thấy N ở phòng 606 nên T hỏi vì sao chưa đi bán dâm thì N cho biết người mua dâm chờ đủ 03 phòng mới đi nên T xuống tầng trệt nói với Bùi Thị Thanh T là tiếp tân đưa 02 chìa khóa các phòng 108, 408 cho Tín đem lên để trên bàn trong phòng 606. Sau đó, V và G lấy chìa khóa vào phòng 408, T và P lấy chìa khóa vào phòng 108, T và N vào phòng 508 thực hiện hành vi mua bán dâm. Trong lúc V, T, Th đi mua dâm thì T kêu Lê Thị Huyền T, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Bích N, Phan Thị Mỹ D, Trần Thị Kim B vào phòng 606 để phục vụ rót bia. Khoảng 15 phút sau, G và V thực hiện xong hành vi mua bán dâm nên G đem chìa khóa phòng 408 trả cho T thì T đưa cho G 600.000 đồng và đem chìa khóa phòng 408 để trên bàn trong phòng 606. Lúc này, Trần Trung T có nhu cầu mua dâm Lê Thị Huyền T nên lấy chìa khóa cùng T vào phòng 408 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang như nội dung vụ án đã nêu.

Tín còn khai nhận: Ngoài lần môi giới mại dâm trên, từ tháng 07/2020 đến ngày 15/12/2020, T còn nhiều lần môi giới cho Lê Thị Huyền T, Lê Thị P,

Cao Thị Cẩm N bán dâm cho những người nam không rõ họ tên, địa chỉ bằng cách gọi điện thoại hoặc trực tiếp gặp và bảo T, P, N vào các phòng trong khách sạn Kim Vân B bán dâm cho khách đang lưu trú ở đó. Sau mỗi lần bán dâm T, P, N mỗi người cho T 100.000 đồng.

Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 28/5/2021 và Văn bản số 972/VKS-HS ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Nguyễn Phan Thành T về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà hình sự sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Thành T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Trách nhiệm dân sự: Không có.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã bỏ vỏ nhưng chưa sử dụng, 04 bao cao su hiệu Pretex chưa sử dụng; 01 vỏ bao cao su, 14 bao cao su hiệu Purex chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su không rõ nhãn hiệu không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 2.100.000 đồng thu giữ của T, T khai do môi giới mại dâm mà có; 3.300.000 đồng của T nộp; 3.300.000 đồng của Hằng nộp; 1.650.000 đồng của T1 nộp; 1.050.000 đồng L nộp là số tiền thu lợi bất chính từ việc T môi giới mại dâm;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 105 màu đen là công cụ phạm tội;

Trả cho Tín: 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 41.401.000 đồng là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội;

Bị cáo Nguyễn Phan Thành T khai nhận: Việc hoạt động mại dâm là do bà C chủ khách sạn Kim Vân B bảo bị cáo phải làm như vậy, lợi nhuận chia làm 4 phần và đến khoảng 24 giờ hàng ngày, bị cáo đưa tất cả các khoản tiền cho H chia (gồm tiền tiếp viên bán dâm là 100.000 đồng/lượt, tiền tiếp viên phục

karaoke nhưng không bán sâm là 10.000 đồng/lượt, tiền dư của khách không lấy) trong đó bị can T 30%, H 30%, T, L 30%, bà C 10%. Việc chia tiền % này là do bà Kim C kêu làm, bị cáo không bàn bạc, thỏa thuận với H, L, T1 nhưng họ có thể điều tiếp viên bán sâm theo yêu cầu của khách khi bị can đi vắng. Ngày 15/12/2020, bị cáo môi giới cho 6 khách mua sâm tại khách sạn thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ. Ngoài ra, bị cáo còn môi giới cho các tiếp viên bán sâm cho khách lưu tại khách sạn như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua. Bị cáo yêu cầu được nhận lại các tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra,

Trần Văn T1 khai: T1 là nhân viên phục vụ phòng karaoke, khi tiếp viên muốn bán sâm phải thông qua T, nếu T đồng ý thì tự T đi nhận chìa khóa phòng và đưa cho T1 mở cửa phòng cho tiếp viên bán sâm. T1 biết T môi giới mại sâm, việc chia tiền theo % là do bà C quy định (gồm tiền gái bán sâm đưa lại 100.000 đồng, tiền tiếp viên phục vụ bia là 10.000 đồng, tiền dư khách bo), tổng số tiền cuối ngày chia làm 04 phần: T, L hưởng mỗi người hưởng được 15%, T 30%, H 30%, bà C 10%. Ngày 15/12/2020, T1 nhận chìa khóa phòng từ Th và mở phòng 507, 508 cho khách mua sâm tiếp viên (BL 108 – 118, 396 – 397; 413 - 415).

Long Quách Phi L khai: L làm nhiệm vụ dọn vệ sinh phòng ngủ, khi khách mua sâm thì T là người sắp xếp cho tiếp viên bán sâm. Cuối ngày, T kêu H chia tiền cho mọi người, còn giữ lại một ít cho bà chủ. Mỗi ngày Long nhận được từ 100.000 đồng đến 350.000 đồng và từ khi làm tại khách sạn đến khi Công an phát hiện thì L nhận tiền từ H khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng (BL 124 – 130; 398 – 400; 410 - 412).

Đỗ Thị Thúy H khai: H làm thu ngân lầu 6, lễ tân khách sạn. Hằng biết khách sạn có hoạt động mại sâm, bà C giao quyền cho T nên khi có khách mua sâm thì không cần báo lại cho bà C biết, đến cuối ngày thì tiền gái bán sâm đưa, tiền khách trả dư, tiền tiếp viên không bán sâm là 10.000 đồng được cộng lại chia cho T 30%, H 30%, T, L 30%, còn lại 10% đưa lại cho bà C. Việc chia tiền theo % là do bà C đặt ra, vì bà C muốn ai cũng được lợi (BL 135 – 142, 402 - 408).

Nguyễn Văn Đ (chồng bà C, sinh sống tại khách sạn) khai: Hoạt động kinh doanh khách sạn Kim Vân B là do bà C trực tiếp quản lý và bà C có thuê tiếp tân và người quản lý phòng hát karaoke. Ông biết tại khách sạn có diễn ra hoạt động mua bán dâm giữa khách và các tiếp viên, còn cụ thể từ thời gian nào và tiền bán dâm của tiếp viên bao nhiêu thì ông không biết, do T quản lý (BL 168 – 169).

Võ Thị Kim C khai: Bà là chủ khách sạn Kim Vân B, hoạt động kinh doanh khách sạn từ cuối năm 2012. Bà có thuê H, Th làm tiếp tân, T làm quản lý các phòng karaoke, T1 phục vụ phòng karaoke, L dọn dẹp các phòng ngủ. Bà biết việc hoạt động mại dâm giữa tiếp viên và khách đến hát karaoke hoặc khách lưu trú tại khách sạn. Hằng ngày T quản lý phòng karaoke, H, Th tính hóa đơn và thu tiền. Bà biết T đứng ra môi giới cho khách mua dâm các tiếp viên và biết mỗi lần tiếp viên bán dâm cho khách hát karaoke là 700.000 đồng, bán dâm cho khách lưu trú là 500.000 đồng, sau đó tiếp viên sẽ trả cho T 100.000 đồng, khách sạn không hưởng lợi từ việc mua bán dâm, chỉ lấy tiền phòng nghỉ và tiền bao cao su là 10.000 đồng/người. Bà biết hành vi chứa chấp mại dâm là vi phạm pháp luật và nhiều lần khuyên T nghỉ, không được đứng ra môi giới mại dâm nhưng T ham lời nên vẫn tiếp tục làm (BL 171 – 176).

Bùi Thị Thanh Th khai: Th được bà C thuê làm tiếp tân tại khách sạn Kim Vân B. Nhiệm vụ của Th là đón khách và khi có khách thuê phòng thì ghi vào sổ lưu trú và giao chìa khóa. Th biết khách đến hát karaoke ở khách sạn Kim Vân B có mua dâm tiếp viên nhưng không biết ai môi giới. Ngoài ra khi khách đến không hát karaoke mà yêu cầu mua dâm thì gặp Huỳnh Văn K (bảo vệ khách sạn). Việc K thỏa thuận với tiếp viên và khách như thế nào thì Th không biết. Nhưng sau khi bán dâm tiếp viên đưa cho Th 100.000 đồng giữ đến cuối ngày giao lại cho bà Kim C. Khoảng 13 giờ 30 ngày 15/12/2020, T gặp Th lấy chìa khóa 02 phòng nhưng Th không nhớ số phòng. Đến khoảng 20 giờ 30 ngày 15/12/2020, T gặp Th lấy chìa khóa các phòng 108, 408. Th không hưởng lợi từ hoạt động môi giới mại dâm từ Tín (BL 150 – 161; 447 – 453).

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra,

Lê Thị P khai: P làm tiếp viên tại khách sạn Kim Vân B khoảng 01 tháng đến ngày bị phát hiện 15/12/2020. Trước khi đến làm thì có người bạn tên X giới thiệu cho T để xin vào làm, khi có khách hát karaoke thì T gọi điện đến phục vụ hoặc bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm cho khách là 700.000 đồng/khách không karaoke, 500.000 đồng/khách lưu trú, đưa lại T 100.000 đồng/lượt. Khi có người mua dâm thì T là người điều tiếp viên xuống phòng bán

dâm cho khách. Việc mua bán dâm thì chủ khách sạn biết, không biết tên chủ khách sạn nhưng nghe mọi người kêu là ông Hai, bà Hai, có khi bà Hai ngồi ngay quây lể tân điện thoại cho Tín yêu cầu T điều tiếp viên xuống phòng nghỉ bán dâm cho khách và tiếp viên đưa tiền bán dâm 100.000 đồng cho bà Hai (BL 194 – 199; 422 - 425).

Võ Minh Tuấn V, Nguyễn Văn T2, Trần Trung T3, Ngô Công Th, Cao Thị cẩm N, Lê Thị Huyền T, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Tuyết N, Ngô Thị Q, Trần Thị Mỹ D khai thống nhất với nhau: Tại phòng hát karaoke, khách và tiếp viên sẽ thỏa thuận việc mua dâm, nếu tiếp viên đồng ý bán dâm thì báo lại cho T để T sắp xếp phòng cho tiếp viên bán dâm. Tiếp viên phục vụ phòng karaoke, bán dâm không là nhân viên của khách sạn, do những người này tự liên hệ với T, cho T số điện thoại và khi nào khách đến hát karaoke hoặc muốn mua dâm thì T sẽ gọi cho tiếp viên đến. Tiếp viên phục vụ phòng karaoke (không bán dâm) sẽ nhận tiền bo từ khách và phải nộp lại cho khách sạn 10.000đ, còn tiếp viên bán dâm thì khách karaoke thì mỗi lượt là 700.000 đồng, đưa lại cho T 100.000 đồng, tiếp viên bán dâm cho khách lưu trú tại khách sạn là 500.000 đồng, đưa lại cho T 100.000 đồng (BL 186 - 187, 212 – 215; 222 – 231, 246 – 252, 259 – 262, 269 – 274, 275 – 280).

Người bào chữa – Luật sư Hồ Hoàng Phương trình bày quan điểm: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi các căn cứ sau: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, chưa có tiền án, tiền sự, học năm thứ 2 đại học nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên nghỉ học, bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú các lần phạm tội trước nên Cơ quan điều tra kết thúc điều tra sớm và gia đình nộp tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra, nếu hoạt động tại khách sạn Kim Vân B mà không có vai trò của chủ khách sạn thì không thể hoạt động được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận: Quan điểm tranh luận của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với bản luận tội của Viện kiểm sát nên không đối đáp, tranh luận thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Kim C, Nguyễn Văn Đ, Long Quách Phi L, Trần Văn T1, Đỗ Thị Thúy H, Huỳnh Văn K, Bùi Thị Thanh Th có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Phan Thành T về hành vi “Tổ chức mại dâm”. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 02/2021/HSST-QĐ ngày 13/8/2021 về việc làm rõ các vấn đề khác có liên quan đến tội danh và vai trò đồng phạm của những người nêu trên nhằm làm rõ bản chất vụ án theo hướng dẫn tại điểm a mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có Văn bản số 972/VKS-HS ngày 30/9/2021, xác định: Không có căn cứ để thay đổi tội danh đối với Nguyễn Phan Thành T; Không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự H, T1, L với vai trò đồng phạm với T về hành vi môi giới mại dâm; Chưa có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với C, H, Đ, Th, K về hành vi chứa mại dâm; Không có căn cứ để xác định được số tiền T, H, T1, L, Th, K, C hưởng lợi từ việc T chia tiền môi giới mại dâm. Như vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 280, Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không tiếp tục trả hồ sơ điều tra bổ sung. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị, tiếp tục điều tra, xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đồng phạm nêu trên, tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không lý do. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết trong vụ án nên việc của người tham gia tố tụng nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Từ tháng 07/2020 đến ngày 15/12/2020, Nguyễn Phan Thành T thừa nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi làm trung gian cho nhiều khách đến karaoke mua dâm các tiếp viên nữ tại khách sạn Kim Vân B do bà Võ Thị Kim C làm chủ. Ngoài ra, bị cáo còn gọi gái bán dâm đến khách sạn bán dâm cho khách lưu trú, sau mỗi lần bán dâm, gái bán dâm đưa cho bị cáo mỗi lượt là 100.000 đồng/người. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phan Thành T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Phan Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Việc Nguyễn Phan Thành T khai khi không có Tín tại khách sạn thì Long Quách Phi L, Trần Văn T1, Đỗ Thị Thúy H là người môi giới mua bán dâm tại khách sạn nhưng L, T1, H không thừa nhận việc này. Ngoài lời khai của T không còn chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, T1, H về hành vi môi giới mại dâm. Riêng, L, T1, H biết Tín có hành vi môi giới mại dâm nhưng không tố giác mà còn hưởng lợi với T là vi phạm pháp luật. Do L, T1, H không bàn bạc, giúp sức cho T môi giới mại dâm nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, T1, H về hành vi môi giới mại dâm.

Nguyễn Phan Thành T khai Võ Thị Kim C, Nguyễn Văn Đ, Bùi Thị Thanh Th, Huỳnh Văn K có hành vi môi giới cho khách lưu trú tại khách sạn mua dâm nhưng Th, Kim C, Đ không thừa nhận việc này. Hiện Kim C đã xuất cảnh khỏi Việt Nam, K không rõ đang ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Võ Minh Tuấn V, Nguyễn Văn T1, Trần Trung T2, Ngô Công Th có hành vi mua dâm và Lê Thị P, Lê Thị Huyền T, Cao Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Kim B có hành vi bán dâm là vi phạm pháp luật nên Công an thành phố L đã xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Mại dâm, hay mua bán dâm, là hoạt động dùng các dịch vụ tình dục ngoài hôn nhân giữa người mua dâm và người bán dâm để trao đổi lấy tiền bạc, vật chất hoặc một số quyền lợi và ưu đãi nào đó. Ở nước ta, mua bán dâm được xem là một tệ nạn xã hội, trái với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam nên pháp luật xây dựng các chế tài để xử lý. Tuy nhiên, việc mua bán dâm được các đối tượng môi giới, tổ chức dưới các hình thức rất tinh vi, nhằm che mắt lực lượng chức năng, tạo lối mòn sa ngã cho những người sống bằng nghề trái với đạo đức xã hội.

Bị cáo là người đã trưởng thành, khỏe mạnh, có học vấn tương đối để nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra, với công việc quản lý các phòng karaoke tại khách sạn Kim Vân B, bị cáo phải nhận thức được công việc mình làm có vi phạm pháp luật, có ảnh hưởng xấu đến bản thân, gia đình và xã hội. Thế nhưng ngược lại, vì hám lợi trước mắt, muốn nhanh chóng có tiền trên sức lao động của người khác nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội bằng việc môi giới mại dâm cho các tiếp viên bán dâm cho khách đến karaoke hoặc khách lưu trú tại khách sạn để cùng nhau hưởng lợi bất chính. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách phòng chống tệ nạn, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Do đó, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết nặng định khung thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đối với 02 người trở lên theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo đề nghị truy tố là có căn cứ.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa thống nhất đề nghị áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp tiền thu lợi bất chính. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra, quá trình điều tra, xét xử, gia đình bị cáo Tín có nộp bản photo Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất của ông Nguyễn Phúc A được Chủ tịch nước ký tặng năm 1985 (Anh ruột của ông nội bị cáo T). Xét thấy, trường hợp này không thuộc trường hợp người phạm tội có cha, mẹ, vợ, con là liệt sĩ nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố L các vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/7/2021, gồm:

01 bao cao su đã bỏ vỏ nhưng chưa sử dụng, 04 bao cao su hiệu Pretex chưa sử dụng; 01 vỏ bao cao su, 14 bao cao su hiệu Purex chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su không rõ nhãn hiệu không còn giá trị sử dụng. Đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, số imei: 353891109933437, số 41.401.000 đồng (Số tiền này trong số tiền 43.501.000 đồng do Công an thành phố L nộp tại Kho bạc Nhà nước An Giang ngày 29/4/2021) là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

01 điện thoại Nokia 105, số imei 357732102883862 là tài sản bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên tịch sung ngân sách Nhà nước;

Các khoản tiền: 2.100.000 đồng thu giữ của T (Số tiền này trong số tiền 43.501.000 đồng do Công an thành phố L nộp tại Kho bạc Nhà nước An Giang ngày 29/4/2021); 3.300.000 đồng của T nộp (Theo giấy nộp tiền mặt vào Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang ngày 12/11/2021); 3.300.000 đồng của H nộp; 1.650.000 đồng của T1 nộp; 1.050.000 đồng L nộp (Theo giấy nộp tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang ngày 21/9/2021). Đây là các khoản tiền thu lợi bất chính từ việc T môi giới mại dâm nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phan Thành T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ vào: Điểm d, đ khoản 2 Điều 328, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106, Điều 136, Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Tuyên xử:

[1] Về hình phạt

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phan Thành T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

[2] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã bỏ vỏ nhưng chưa sử dụng, 04 bao cao su hiệu Pretex chưa sử dụng; 01 vỏ bao cao su, 14 bao cao su hiệu Purex chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su không rõ nhãn hiệu không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 105, số imei: 357732102883862;

Trả lại cho bị cáo Tín: 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, số imei: 353891109933437.

(Xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/7/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

Trả lại cho bị cáo Tín: 41.401.000 đồng (Số tiền này trong số tiền 43.501.000 đồng do Công an thành phố L nộp tại Kho bạc Nhà nước An Giang ngày 29/4/2021);

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 2.100.000 đồng thu giữ của Tín (Số tiền này trong số tiền 43.501.000 đồng do Công an thành phố L nộp tại Kho bạc Nhà nước An Giang ngày 29/4/2021); Số tiền 3.300.000 đồng (Theo giấy nộp tiền mặt do Công an thành phố L nộp vào Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang ngày 12/11/2021); Số tiền 6.000.000 đồng (Theo giấy nộp tiền mặt do

Công an thành phố L nộp vào Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang ngày 21/9/2021).

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP.L;
- Chi cục T.H.A TP.L;
- Nhà Tạm Giữ CA.TP.L;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam